

Số: 1055/QĐ-UBND

Quyết Thắng, ngày 27 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách, kinh phí hỗ trợ tiền điện quý III, IV
năm 2025 cho hộ nghèo trên địa bàn phường Quyết Thắng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG QUYẾT THẮNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 190/2014/TT-BTC ngày 11/12/2014 của Bộ Tài chính quy định thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 1279/QĐ-BCT ngày 09/5/2025 của Bộ Công Thương quy định về giá bán điện;

Căn cứ Văn bản số 4542/STC-KTXH ngày 23/10/2025 của Sở Tài chính Thái Nguyên về việc mức hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 13042/QĐ-UBND ngày 03/12/2024 của UBND thành phố Thái Nguyên về việc phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024 theo chuẩn đa chiều giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn thành phố Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 11/08/2025 của UBND phường Quyết Thắng về việc giao dự toán ngân sách nhà nước phường Quyết Thắng năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 385/QĐ-UBND ngày 30/9/2025; Quyết định số 861/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND phường Quyết Thắng về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước phường Quyết Thắng năm 2025;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường tại Tờ trình số 677/TTr-KTHT&ĐT ngày 25/12/2025 về việc phê duyệt danh sách, kinh phí hỗ trợ tiền điện quý III, IV năm 2025 cho hộ nghèo trên địa bàn phường Quyết Thắng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách, kinh phí hỗ trợ tiền điện quý III, IV năm 2025 cho hộ nghèo trên địa bàn phường Quyết Thắng, cụ thể:

- Tổng số hộ nghèo: 25 hộ.
- Tổng số tiền hỗ trợ: 9.630.000 đồng.

(Bằng chữ: Chín triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng)

(Có danh sách chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giao phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường cấp kinh phí, phòng Văn hóa - Xã hội phường thực hiện việc chi trả tiền điện cho hộ nghèo theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường, Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội phường, Tổ trưởng các Tổ dân phố và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này././.w

Nơi nhận: *Am*

- TT Đảng ủy, TT HĐND phường;
- Lãnh đạo UBND phường;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam phường;
- Như Điều 3;
- Lưu VT, KTHT&ĐT *Thuy*



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Nhất

DANH SÁCH HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN QUÝ III, QUÝ IV NĂM 2025 CHO HỘ NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG QUYẾT THẮNG
(Kèm theo Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 27/12/2025 của UBND phường Quyết Thắng)

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Quý III/2025			Quý IV/2025			Tổng tiền hỗ trợ quý III + IV (đồng)	Ghi chú
			Số tháng	Mức hỗ trợ tiền điện 1 tháng (đồng)	Thành tiền (đồng)	Số tháng	Mức hỗ trợ tiền điện 1 tháng (đồng)	Thành tiền		
1	Phạm Thị Nhi	TDP Bắc Thành	3	64.200	192.600	3	64.200	192.600	385.200	
2	Phạm Thị Lan	TDP Trung Thành	3	64.200	192.600	3	64.200	192.600	385.200	
3	Dương Khánh Tùng	TDP Nam Thành	3	64.200	192.600	3	64.200	192.600	385.200	
4	Nguyễn Văn Tính	TDP Cây Xanh	3	64.200	192.600	3	64.200	192.600	385.200	
5	Nguyễn Văn Sự	TDP Gò Móc	3	64.200	192.600	3	64.200	192.600	385.200	
6	Hoàng Thị Giới	TDP Nước Hai	3	64.200	192.600	3	64.200	192.600	385.200	
7	Lý Ánh Tuyết	TDP Nông Lâm	3	64.200	192.600	3	64.200	192.600	385.200	
8	Nguyễn Thị Xuân Cảnh	TDP 10	3	64.200	192.600	3	64.200	192.600	385.200	
9	Nguyễn Văn Tuấn	TDP 3	3	64.200	192.600	3	64.200	192.600	385.200	
10	Nguyễn Thị Vụ	TDP 6	3	64.200	192.600	3	64.200	192.600	385.200	
11	Đỗ Thị Súa	TDP 7	3	64.200	192.600	3	64.200	192.600	385.200	
12	Vũ Thị Lan	TDP 7	3	64.200	192.600	3	64.200	192.600	385.200	
13	Nguyễn Thị Thảo	TDP 8	3	64.200	192.600	3	64.200	192.600	385.200	
14	Trần Thị Hồng	TDP 8	3	64.200	192.600	3	64.200	192.600	385.200	
15	Nguyễn Thị Dân	TDP Mỏ	3	64.200	192.600	3	64.200	192.600	385.200	
16	Đinh Hữu Minh	TDP Phúc Hà 1	3	64.200	192.600	3	64.200	192.600	385.200	
17	Trần Thị Mai	TDP Um	3	64.200	192.600	3	64.200	192.600	385.200	
18	Phạm Ái Mộ	TDP Um	3	64.200	192.600	3	64.200	192.600	385.200	
19	Đặng Văn Sáu	TDP Hà	3	64.200	192.600	3	64.200	192.600	385.200	



STT	Họ và tên	Địa chỉ	Quý III/2025			Quý IV/2025			Tổng tiền hỗ trợ quý III + IV (đồng)	Ghi chú
			Số tháng	Mức hỗ trợ tiền điện 1 tháng (đồng)	Thành tiền (đồng)	Số tháng	Mức hỗ trợ tiền điện 1 tháng (đồng)	Thành tiền		
20	Lương Xuân Sách	TDP Hồng	3	64.200	192.600	3	64.200	192.600	385.200	
21	Lương Thị Độ	TDP Hồng	3	64.200	192.600	3	64.200	192.600	385.200	
22	Vũ Quốc Việt	TDP Hồng	3	64.200	192.600	3	64.200	192.600	385.200	
23	Dương Văn Quân	TDP Hồng	3	64.200	192.600	3	64.200	192.600	385.200	
24	Hoàng Thị Lý	TDP Nam Tiến	3	64.200	192.600	3	64.200	192.600	385.200	
25	Lê Thị Lý	TDP Nam Tiến	3	64.200	192.600	3	64.200	192.600	385.200	
TỔNG CỘNG					4.815.000			4.815.000	9.630.000	

(Số tiền bằng chữ: Chín triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng chẵn./.)

